Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9029.10.20

Mã HS	9029.10.20
Mô tả hàng hóa	Máy đếm vòng quay, máy đếm sản lượng, máy đếm cây số để tính tiền taxi, máy đếm dặm, máy đo bước và máy tương tự; đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc, trừ các loại máy thuộc nhóm 90.14 hoặc 90.15; máy hoạt nghiệm / - Máy đếm vòng quay, máy đếm sản lượng, máy đếm cây số để tính tiền taxi, máy đếm dặm, máy đo bước và máy tương tự: / - - Máy đếm cây số để tính tiền taxi
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 08:06:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90291020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18195
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18195
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18195
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17520
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17449
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17449
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17449
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17449
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17449
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17449
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E17505
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17505
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17505
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17505

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17505
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17505
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2.5	VJ!E17506
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	1	VJ!F17506
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17506
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17506
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17506
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17506
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17511
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17467
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17463
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17463
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17463
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17463
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17463
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17463
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17509
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17509
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17509
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17509
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17509
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17509
VCFTA	2022	2022	4	VC!D17571
VCFTA	2023	2023	2	VC!E17571
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17571
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17571

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17571
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17571
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17547
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17547
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17547
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17547
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17547
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17547
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D17542
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E17542
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F17542
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G17542
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H17542
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17542
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D17572
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17572
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17572
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17572
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17572
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17572
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D17571
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17571
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17571
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17571
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17571
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17571

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17665
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17665
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17665
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17665
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17665
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17665
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17665
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D17534
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E17534
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F17534
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G17534
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H17534
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I17534
RCEP B	2022	2022	18	B!D17534
RCEP B	2023	2023	16	B!E17534
RCEP B	2024	2024	14	B!F17534
RCEP B	2025	2025	12	B!G17534
RCEP B	2026	2026	10	B!H17534
RCEP B	2027	2027	8	B!I17534
RCEP C	2022	2022	18	C!D17532
RCEP C	2023	2023	16	C!E17532
RCEP C	2024	2024	14	C!F17532
RCEP C	2025	2025	12	C!G17532
RCEP C	2026	2026	10	C!H17532
RCEP C	2027	2027	8	C!I17532
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D17531

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E17531
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F17531
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G17531
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H17531
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I17531
RCEP E	2022	2022	18	E!D17535
RCEP E	2023	2023	16	E!E17535
RCEP E	2024	2024	14	E!F17535
RCEP E	2025	2025	12	E!G17535
RCEP E	2026	2026	10	E!H17535
RCEP E	2027	2027	8	E!I17535
RCEP F	2022	2022	18	F!D17534
RCEP F	2023	2023	16	F!E17534
RCEP F	2024	2024	14	F!F17534
RCEP F	2025	2025	12	F!G17534
RCEP F	2026	2026	10	F!H17534
RCEP F	2027	2027	8	F!I17534
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F16437
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G16437
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H16437
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I16437

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Phương tiện đo phải kiểm tra nhà nước về đo lường khi NK (2284/QĐ-BKHCN ngày 15/08/2018)		2284/QĐ-BKHCN	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9029.10 có 2 dòng thuế; dòng 9029.10.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Máy đếm cây số để tính tiền taxi.	9029.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9029.10.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 9029.10.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18195), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Phương tiện đo phải kiểm tra nhà nước về đo lường khi NK (2284/QĐ-BKHCN ngày 15/08/2018)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.